BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆT NAM

MỤC LỤC Trang

Phần I. Thông tin chung **3**
1. Thông tin khái quát 3
2. Quá trình hình thành và phát triển 4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 7
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 7
5. Định hướng phát triển 8
6. Các rủi ro 9

Phần II. Tình hình hoạt động trong năm **10**
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 10
2. Tổ chức và nhân sự 10
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án 13
4. Tình hình tài chính 14
5.Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 15

Phần III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc **16**
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 16
2. Tình hình tài chính 17
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý 18
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai 18
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán 19

Phần IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty **20**
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty 20
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc 21
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT 21

Phần V. Quản trị Công ty **23**
1. Hội đồng quản trị 23
2. Ban kiểm soát 25
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát 26

Phần V. Báo cáo tài chính **28**
1. Ý kiến kiểm toán 28
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán 30

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.

Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agriseco), tiền thân là Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được thành lập ngày 20/12/2000 theo Quyết định số 269/QĐ/HĐQT của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).

Với số Vốn điều lệ ban đầu là 60 tỷ đồng, cán bộ chủ yếu từ Agribank chuyển sang, đến nay Agriseco đã trở thành công ty chứng khoán (CTCK) hàng đầu của Việt Nam: lớn nhất về mạng lưới (3 Chi nhánh, 4 Phòng giao dịch, 47 Cơ sở phát triển dịch vụ), lớn thứ hai về Vốn điều lệ (2.120 tỷ đồng).

Thông tin về Công ty:

■ Tên giao dịch:	Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
■ Tên viết tắt:	AGRISECO
■ Giấy phép hoạt động:	Số 108/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/7/2009. Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy phép đầu tư số 41/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 9 năm 2013.
■ Vốn điều lệ:	2.120.000.000.000 (hai nghìn một trăm hai mươi tỷ) đồng
■ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.120.000.000.000 (hai nghìn một trăm hai mươi tỷ) đồng
■ Trụ sở chính:	Tầng 5, Tòa nhà Artex, Số 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội
■ Điện thoại:	(84-4) 6276 2666
■ Fax:	(84-4) 6276 5666
■ Website:	www.agriseco.com.vn
■ Mã cổ phiếu:	AGR

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Năm 2000:

- **20/12/2000:** Agribank ban hành Quyết định số 269/QĐ-HĐQT thành lập Agriseco, có trụ sở tại Tầng 4 - tòa nhà C3, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội.

Năm 2001:

- **09/01/2001:** Tiếp nhận Vốn điều lệ 60 tỷ đồng.
- **04/05/2001:** Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép kinh doanh, Agriseco trở thành công ty chứng khoán thứ 8 gia nhập thị trường.
- **05/11/2001:** Khai trương hoạt động tại Hà Nội.
- **23/11/2001:** Thành lập Chi nhánh đầu tiên của Agriseco tại TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2003:

- **30/10/2003:** Thành lập Phòng giao dịch đầu tiên tại Ngọc Khánh, Hà Nội.

Năm 2004:

- **14/01/2004:** Nâng Vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.
- **15/09/2004:** Đưa sản phẩm REPO ra thị trường.

Năm 2005:

- **14/01/2004:** Đưa sản phẩm REREPO ra thị trường.
- **11/11/2005:** Khai trương Đại lý nhận lệnh cấp huyện đầu tiên tại Huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá.
- **21/11/2005:** Nâng Vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng.

Năm 2006:

- **07/04/2006:** Nhận Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2007:

- **19/06/2007:** Nâng Vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng.
- **16/08/2007:** Ký Bản ghi nhớ Hợp tác chiến lược với Guotai Junan - Tập đoàn chứng khoán hàng đầu Trung Quốc.

Năm 2008:

- **19/10/2008:** Nhận Giải thưởng - Cup Vàng "Thương hiệu Chứng khoán Uy tín" 2008 của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam.

Năm 2009:

- **06/01/2009:** Hoàn thành Đấu giá lần đầu ra bên ngoài cổ phần của Agriseco, khởi đầu chuyển đổi Agriseco từ công ty TNHH 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần.
- **03/02/2009:** Chuyển Trụ sở chính về Tầng 5, Toà nhà Artex, Số 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.
- **22/06/2009:** Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- **10/07/2009:** Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 108/UBCK-GP cho Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- **11-12/10/2009:** Nhận **Giải thưởng – Cúp Vàng "Thương hiệu Chứng khoán Uy tín" 2009** của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam; nhận giải thưởng **"Công ty chứng khoán tiêu biểu"** và **"Thành viên đấu thầu Trái phiếu Chính phủ tiêu biểu trên thị trường chứng khoán"** do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư (VIR) phối hợp tổ chức. **Agriseco là CÔNG TY CHỨNG KHOÁN DUY NHẤT NHẬN CẢ 3 DANH HIỆU.**
- **10/12/2009:** Chính thức đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu **AGR.**

Năm 2010:

- **18/07/2010:** Nhận Bằng khen của Bộ Tài chính về những đóng góp cho TTCK trong 10 năm.
- **20/08/2010:** Nâng vốn Điều lệ lên 2.120 tỷ đồng.
- **13/09/2010:** Nhận Giải thưởng - Cúp Vàng "Thương hiệu Chứng khoán Uy tín" 2010 của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam;
- **22/12/2010:** Xếp hạng số 257/1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và nhận kỷ niệm chương của chương trình Lễ công bố 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

Năm 2011:

- **2/3/2011:** Bằng khen của **Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng** v/v CTCP Chứng khoán NHNO&PTNT VN đã có nhiều thành tích trong xây dựng và phát triển TTCK trong giai đoạn 2000 – 2010 góp phần vào xây dựng bảo vệ CNXH và Bảo vệ tổ quốc.
- Bằng khen của **Bộ trưởng Bộ Tài Chính Vũ Văn Ninh** v/v xây dựng TTCK trong giai đoạn 2006-2010.
- Bằng khen của **Thống đốc NHNN Nguyễn Văn Giàu** v/v đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nghiệp vụ NH năm 2008 – 2009.
- **10/2011: Sao vàng Đất Việt**: Agriseco ở top 200 và là công ty chứng khoán duy nhất đạt giải.

Năm 2012:

- **30/11/2012**: **Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam** và nhận kỷ niệm chương của chương trình Lễ công bố 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- **05/2012**: Đưa sản phẩm **dịch vụ Môi giới Hợp đồng** ra thị trường.

Năm 2013:

- **06/2013**: **Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2013** do Báo Nhịp cầu Đầu tư bình chọn.
- **09/2013**: **Sao vàng Đất Việt**: Agriseco đạt danh hiệu Sao vàng Đất Việt năm 2013 và xếp trong danh sách TOP 200 Thương hiệu Việt Nam.

Năm 2014:

- **02/12/2014**: **Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam** theo bảng xếp hạng V1000-1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam được công bố dựa trên kết quả điều tra và xử lý dữ liệu của Tạp chí Thuế, Tổng Cục Thuế, Vietnam Report, Báo Vietnamnet và các chuyên gia tư vấn độc lập trong và ngoài nước.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
  - Môi giới chứng khoán;
  - Tự doanh chứng khoán;
  - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
  - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
  - Lưu ký chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh:
  - Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

❖ Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý

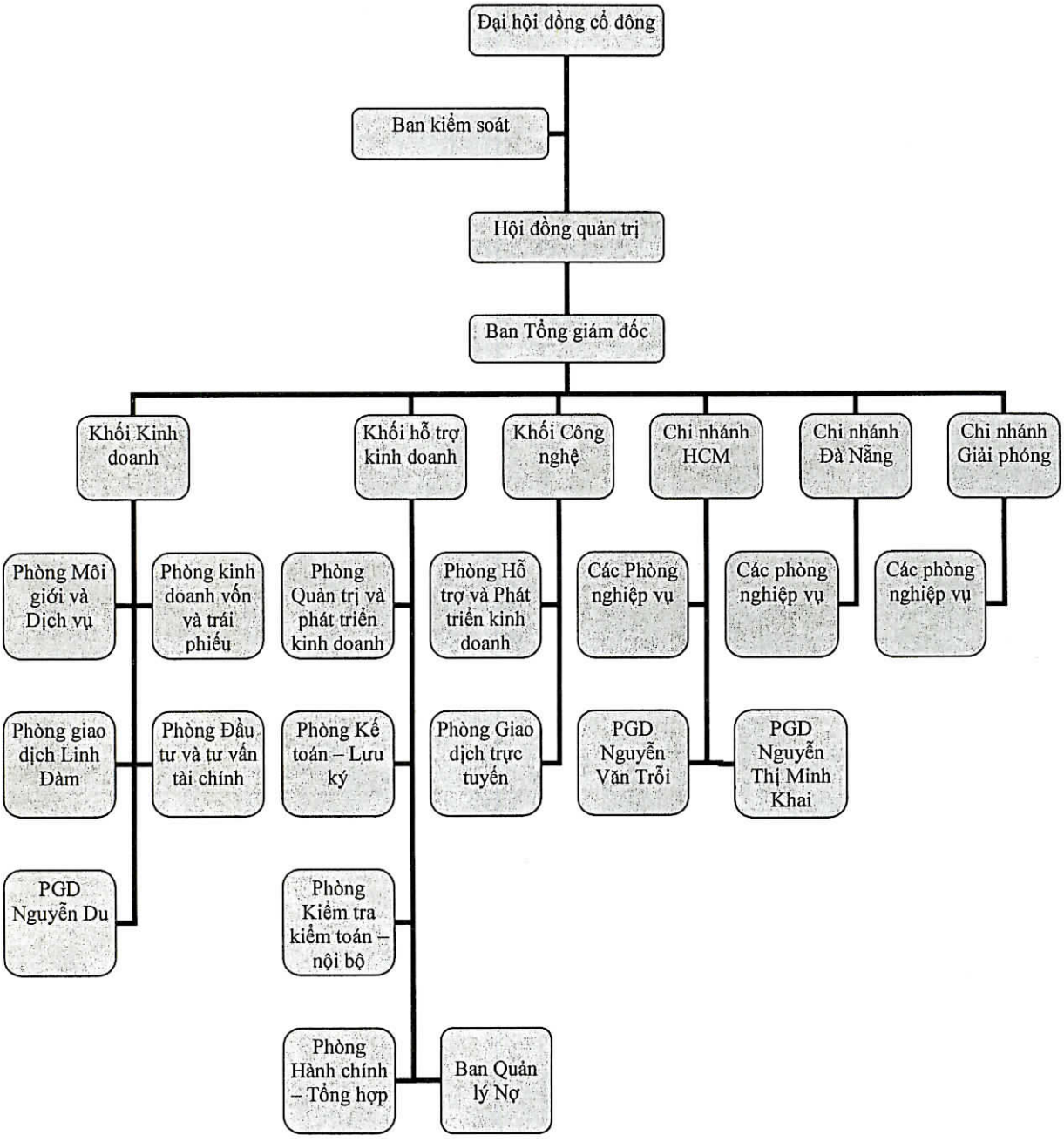

❖ **Công ty con, công ty liên kết**

Không

5. Định hướng phát triển:

❖ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Vươn ra và đứng hàng đầu trong khu vực bằng cách thâm nhập, mở rộng kinh doanh dựa trên tiềm năng trong nước và lợi thế so sánh, đồng thời khai thác nguồn vốn, nhân lực, công nghệ và kinh nghiệm quản trị quốc tế để củng cố vị thế hàng đầu trong nước. Chuyên nghiệp hoá và quốc tế hóa công tác cán bộ, đưa công nghệ trở thành một mũi nhọn kinh doanh, phát triển và tăng cường khai thác mạng lưới, xây dựng một lộ trình phát triển bền vững và có văn hóa riêng.

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Tăng cường sự cân đối giữa các nghiệp vụ

  Nâng cấp Môi giới và Tự doanh theo hướng cân bằng trong doanh thu với Kinh doanh vốn- trái phiếu.

- Tăng cường cân đối giữa nguồn và sử dụng vốn

  Đa dạng hóa nguồn vốn, tận dụng tài sản sở hữu, kiên trì lộ trình tăng vốn thông qua phát hành và tích tụ vốn từ lợi nhuận.

- Tăng cường quản lý rủi ro

  Nâng cấp công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, siết chặt các tỷ lệ an toàn, tiến tới áp dụng quy trình quản lý rủi ro của một ngân hàng.

- Hình thành Tập đoàn Agriseco.

❖ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam hoạt động không chỉ thực hiện mục tiêu kinh doanh, mà còn thực hiện những trách nhiệm và nghĩa vụ xã hội đối với cộng đồng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đóng góp phát triển cộng đồng, xã hội. Các hoạt động thiện nguyện được Công ty thực hiện bằng việc duy trì huy động các quỹ từ thiện xã hội, quỹ tình nghĩa và sử dụng các quỹ vào các mục đích xã hội và cộng đồng. Bên cạnh đó, Công ty còn tích cực hưởng ứng các hoạt động bảo vệ môi trường thông qua việc sử dụng tiết kiệm điện, nước, giảm rác thải và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Tất cả vì một đất nước Việt Nam phát triển và thịnh vượng.

6. Các rủi ro

❖ Rủi ro về kinh tế

Rủi ro thị trường đối với Agriseco nói riêng và với các Công ty chứng khoán nói chung là các rủi ro liên quan đến biến động của giá chứng khoán và biến động lãi suất.

Giá trị danh mục cổ phiếu đầu tư được đánh giá lại dựa trên giá niêm yết. Giá trị các trái phiếu được đánh giá hàng ngày dựa vào giá trị thị trường và tình hình lãi suất. Khi lãi suất thị trường tăng, giá trị danh mục trái phiếu giảm và ngược lại.

Các giao dịch của Agriseco đều bằng đồng Việt Nam, không đầu tư và thanh toán bằng vàng hay ngoại tệ nên Agriseco không bị ảnh hưởng từ rủi ro do biến động tỷ giá hối đoái.

❖ Rủi ro pháp lý

Agriseco chịu sự chi phối trực tiếp bởi Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật đầu tư, và các luật khác có liên quan. Chính vì vậy luôn tồn tại rủi ro do các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa rõ ràng hoặc không đồng bộ hoặc do có sự thay đổi mà Agriseco cập nhật không kịp thời.

❖ Rủi ro đầu tư

Agriseco là một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, hoạt động đầu tư chính của Agriseco là kinh doanh trái phiếu. Để hạn chế rủi ro đầu tư, Agriseco đã thành lập một bộ phận quản lý rủi ro nhằm đánh giá mức độ rủi ro của các dự án đầu tư cũng như đánh giá giá trị tài sản đảm bảo để có thể kịp thời hạn chế tối đa các rủi ro có thể gặp phải.

❖ Rủi ro thị trường

Các biến động trên thị trường tài chính có thể sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của Agriseco. Cụ thể như các thay đổi về lãi suất, giá mua bán chứng khoán, tỷ giá hối đoái dẫn đến các tổn thất nhất định cho hoạt động của các công ty chứng khoán nói chung và Agriseco nói riêng.

Để hạn chế các rủi ro do biến động của thị trường tài chính, Agriseco thường xuyên thực hiện các nghiên cứu Tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô và Thị trường tài chính một cách toàn diện để thể dự đoán các xu hướng biến động của các yếu tố vi mô và vĩ mô.

❖ Rủi ro khác

Các rủi ro khác bao gồm các rủi bất khả kháng có thể xảy ra như thiên tai, địch họa, cháy nổ, động đất, bão lụt… Nếu các rủi ro này xảy ra có thể gây ra các thiệt hại lớn về tài sản con người, tài sản vật chất của Công ty.

PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ ***Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:***

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Kế hoạch năm 2014 được ĐHĐĐ thông qua	Thực hiện so với Kế hoạch (%)
Lợi nhuận trước thuế	60,78	60	101,3%

❖ ***Tình hình thực hiện so với kế hoạch***

So với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao, Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 101,3%.

Mặc dù năm 2014 là một năm khó khăn đối với thị trường chứng khoán nói chung (quá trình tái cấu trúc TTCK, siết chặt pháp luật về các chỉ tiêu tài chính..) và Công ty nói riêng (thay đổi nhiều thành viên trong bộ máy lãnh đạo) nhưng Agriseco đã không ngừng phấn đấu để hoàn thành kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được ĐHCĐ và HĐQT thông qua.

Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong việc điều hành các nghiệp vụ được giao.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Tổng Giám đốc:

2.1.1. Ông Nguyễn Kim Hậu – Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Kim Hậu**
- Ngày tháng năm sinh: **17/6/1971**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**

2.1.2. Bà Vũ Thị Thúy Hà – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Vũ Thị Thúy Hà**
- Ngày tháng năm sinh: **07/3/1973**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**

2.1.3. Ông Phan Văn Tuấn – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Phan Văn Tuấn**
- Ngày tháng năm sinh: **13/05/1978**
- Nơi sinh: **Hà Tĩnh**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính tín dụng.**

2.1.4. Ông Lê Văn Minh – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Lê Văn Minh**
- Ngày tháng năm sinh: **18/3/1963**
- Nơi sinh: **Lâm Đồng**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**

2.1.5. Ông Bùi Đức Thắng – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Bùi Đức Thắng**
- Ngày tháng năm sinh: **20/12/1973**
- Nơi sinh: **Hải Hưng**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Toán Kinh tế**

2.1.6. Bà Trần Thị Huệ – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Trần Thị Huệ**
- Ngày tháng năm sinh: **30/05/1978**
- Nơi sinh: **Hưng Yên**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính kế toán**

2.1.7 Bà Ngô Thị Hoàng Nga – Kế toán trưởng

- Họ và tên: **Ngô Thị Hoàng Nga**
- Ngày tháng năm sinh: **01/01/1979**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính kế toán**

❖ **Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc:**

Năm 2014, HĐQT đã ban hành:

- Quyết định số 02/2014/QĐ-HĐQT v/v bổ nhiệm lại bà Vũ Thị Thúy Hà giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- Quyết định số 03/2014/QĐ-HĐQT v/v bổ nhiệm lại ông Lê Văn Minh giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh;
- Quyết định số 04/2014/QĐ-HĐQT v/v bổ nhiệm lại bà Mai Thị Thủy giữ chức Kế toán trưởng;
- Quyết định số 05/2014/QĐ-HĐQT v/v bổ nhiệm ông Phan Văn Tuấn giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty;

- Quyết định số 07/2014/QĐ-HĐQT v/v bổ nhiệm bà Trần Thị Huệ giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- Quyết định số 08/2014/QĐ-HĐQT v/v miễn nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng đối với ông Nguyễn Kim Hậu;
- Quyết định số 09/2014/QĐ-HĐQT v/v bổ nhiệm ông Nguyễn Hoàng Tùng giữ chức danh Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng;
- Quyết định số 10/2014/QĐ-HĐQT v/v miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Mai Thị Thủy;
- Quyết định số 11/2014/QĐ-HĐQT v/v bổ nhiệm bà Ngô Thị Hoàng Nga giữ chức Kế toán trưởng;

❖ **Số lượng cán bộ, nhân viên**

Bảng: Tốc độ tăng trưởng Nguồn nhân lực

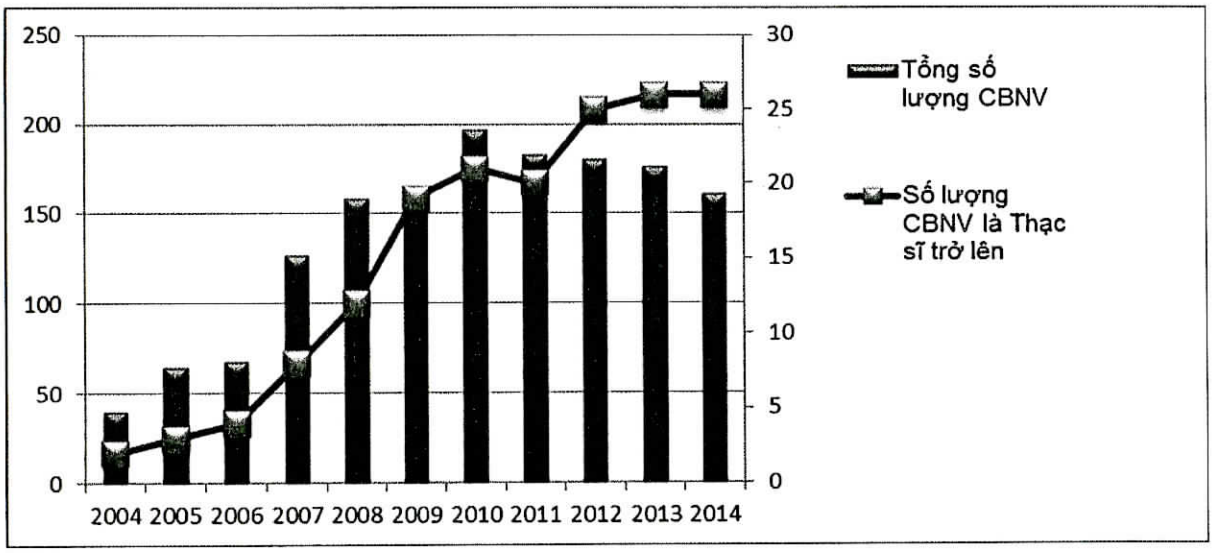

Số lượng người làm việc trong kỳ: 161 cán bộ, trong đó:

- Số lao động nữ: 84 cán bộ (chiếm 52,2 % tổng số cán bộ).
- Lao động giữ chức vụ quản lý: 61 cán bộ (chiếm 35,4% tổng số cán bộ).
- Độ tuổi trung bình: 33 tuổi.
- Trình độ thạc sỹ, tiến sỹ: 26 cán bộ (chiếm 16,1 % tổng số cán bộ).

Chính sách lương thưởng, phụ cấp cho người lao động

Lương trả cho Lao động năm 2014 bao gồm các loại lương sau:

- ***Lương tối thiểu:*** là mức lương tối thiểu mỗi lao động được nhận, căn cứ trên quy định của Công ty tương xứng với sức lao động nhằm đảm bảo đời sống và làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Lương tối thiểu được xác định theo trình độ, thâm niên và chức danh của Lao động, đảm bảo Mức lương tối thiểu theo quy định của pháp luật.
- ***Lương kinh doanh:*** là lương trả cho Lao động dựa trên mức độ hoàn thành công việc và hệ số lương kinh doanh của Lao động, hoặc dựa trên mức độ đóng góp của Lao động vào Kết quả kinh doanh; được thỏa thuận trong nội bộ Đơn vị và được phân bổ từ Quỹ lương kinh doanh của Đơn vị.
- ***Lương năng suất:*** là lương trả cho Lao động trực tiếp dựa trên mức độ đóng góp của Lao động vào việc vượt Chỉ tiêu Kế hoạch được giao, được thỏa thuận trong nội bộ Đơn vị và được phân bổ từ Quỹ lương năng suất của Đơn vị.
- ***Thưởng cho Lao động gián tiếp:*** Thưởng cho lao động gián tiếp được tính toán và thực hiện vào cuối năm dựa trên cơ sở lợi nhuận thực hiện, mức lương của Lao động trực tiếp và Quỹ lương năng suất.

Chế độ thu hút và đào tạo nhân sự

Công ty có chế độ khuyến khích đào tạo và tự đào tạo.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Nhận thức được tình hình thị trường năm 2014 còn nhiều biến động, Agriseco tiếp tục đề cao nguyên tắc an toàn kinh doanh, tăng cường kiểm tra, kiểm soát rủi ro, tập trung vào công tác tái cơ cấu Công ty.

Đối với nghiệp vụ kinh doanh cổ phiếu, Agriseco tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn, tái cơ cấu lại danh mục đầu tư. Đồng thời, tận dụng các cơ hội thị trường, thực hiện đầu tư mới một cách tập trung và hiệu quả.

Đối với nghiệp vụ kinh doanh vốn và trái phiếu, Agriseco đã tiến hành thanh toán toàn bộ tiền lãi Trái phiếu Agriseco và cổ tức các năm trước cho Agribank, đồng thời tiến hành duy trì ổn định nguồn vốn, đảm bảo thanh khoản cho hoạt động toàn Công ty.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

Không

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Bảng: Tình hình tài chính 2014

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2014	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị Tài sản	**2.731.807.986.068**	**3.822.281.138.283**	**-28.53%**
Doanh thu	**293.034.490.773**	**414.000.920.404**	**-29.22%**
DT hoạt động môi giới CK	44.087.206.863	22.549.374.833	95.51%
DT hoạt động đầu tư CK	96.669.778.591	188.986.959.850	-48.85%
DT bảo lãnh phát hành CK	634.717.689	4.799.904.333	-86.78%
DT hoạt động đại lý phát hành CK	-	-	-
DT hoạt động tư vấn	634.318.181	727.200.000	-12.77%
DT hoạt động lưu ký CK	3.306.471.789	2.747.981.533	20.32%
DT khác	147.701.997.660	194.189.499.855	-23.94%
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(125.903.999)**	**(249.585.978)**	**-49.55%**
DTT về HĐKD	**292.908.586.774**	**413.751.334.426**	**-29.21%**
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	**60.778.107.767**	**25.244.312.040**	**140.76%**
Lợi nhuận khác	**2.243.594**	**378.803.585**	**-99.41%**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**60.780.351.361**	**25.623.115.625**	**137.21%**
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**47.774.889.265**	**19.781.653.557**	**141.51%**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**226**	**94**	**140.43%**

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	6,25	1,60	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh	6,24	1,60	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,17	0,42	Lần
+ Hệ số Nợ/Vốn CSH	0,21	0,72	Lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	-	-	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,107	0,108	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/ DTT	0,163	0,048	Lần
+ Hệ số LNST/Vốn CSH	0,021	0,009	Lần
+ Hệ số LNST/Tổng TS	0,017	0,005	Lần
+ Hệ số LN từ HĐKD/ DTT	0,086	0,061	Lần

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (thời điểm 20/10/2014)

- **Cổ phiếu phổ thông:** 211.199.953 cổ phiếu, chiếm 99,622 % số lượng cổ phiếu.
- **Cổ phiếu ưu đãi:** 0 cổ phiếu.
- **Cổ phiếu quỹ:** 800.047 cổ phiếu chiếm 0,378 % số lượng cổ phiếu.
- **Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:** 0 cổ phiếu.
- **Tổng số cổ phiếu:** 212.000.000 cổ phiếu.

5.2. Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	SL cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	**Trong nước**	**3.885**	**210.634.250**	**99,36%**
-	Tổ chức	49	160.722.765	75,81%
-	Cá nhân	3.836	49.911.485	23,55%
2	**Nước ngoài**	**30**	**565.703**	**0,26%**
-	Tổ chức	7	471.827	0,22%
-	Cá nhân	23	93.876	0,04%
3	**Cổ phiếu quỹ**	**-**	**800.047**	**0,38%**
Tổng cộng		**2.627**	**212.000.000**	**100%**

** Theo Danh sách cổ đông AGR chốt ngày 20/10/2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán VN.*

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ: 800.047 cổ phiếu chiếm 0,378 % số lượng cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không

5.5. Các chứng khoán khác

Các đợt phát hành chứng khoán khác trong năm: Không

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam năm 2014 trải qua những giai đoạn biến động mạnh do những yếu tố bất lợi đến từ bên ngoài như tình hình tranh chấp trên biển Đông, giá dầu quốc tế sụt giảm mạnh hay việc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư 36/2004/TT-NHNN ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn cho vay đối với việc đầu tư cổ phiếu.

Năm 2014 quá trình tái cấu trúc CTCK tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Mặc dù kết quả kinh doanh của các CTCK có biến chuyển khả quan hơn so với năm 2013, tuy nhiên vẫn có tới 20 CTCK chấm dứt và đình chỉ hoạt động, giải thể hoặc hợp nhất.

Trước tình hình khó khăn đó, Agriseco đã vươn lên, khắc phục khó khăn, hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2014 (60 tỷ đồng). Tổng doanh thu cả năm đạt 293 tỷ đồng, đứng thứ 6 trong tổng số các CTCK niêm yết trên sàn HSX và HNX.

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- **Nghiệp vụ môi giới:** Năm 2014, doanh thu Môi giới Công ty tăng mạnh, bằng 195,5% so với năm 2013. Đây là một kết quả đáng khích lệ đối với Agriseco, nhất là khi Công ty đang có định hướng phát triển Môi giới, đưa Môi giới và Dịch vụ trở thành một trong những nghiệp vụ kinh doanh chính trong thời gian tới;

- **Nghiệp vụ kinh doanh vốn và trái phiếu:** Năm 2014, Agriseco đã thu hồi được đủ gốc và lãi trái phiếu đến hạn trong điều kiện thị trường vốn khó khăn, trái phiếu doanh nghiệp gặp nhiều rủi ro. Đồng thời, Công ty đã thanh toán tất cả các khoản nợ còn tồn đọng với Agribank nhưng vẫn đảm bảo được thanh khoản, không ảnh hưởng tới nguồn vốn kinh doanh của Công ty.

- **Nghiệp vụ kinh doanh cổ phiếu**: Công tác thoái vốn là hoạt động chính của nghiệp vụ kinh doanh cổ phiếu trong năm 2014. Danh mục của Công ty đã được tái cơ cấu theo hướng đầu tư tập trung và hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty không bỏ lỡ các cơ hội thị trường, triển khai đầu tư mới một cách thận trọng và hiệu quả.

- **Công nghệ tin học:** Công nghệ tin học tiếp tục được Agriseco ưu tiên đầu tư và phát triển đồng bộ cả về con người và vốn, tiến tới từng bước phát triển thành

mũi nhọn kinh doanh, góp phần thúc đẩy các nghiệp vụ khác cũng như thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành.

- **Quản lý rủi ro**: Công tác quản lý rủi ro được chú trọng và đã thu được những kết quả khả quan. Quy trình Xử lý hợp đồng bị vi phạm đã được xây dựng và đưa vào thực tiễn, công tác thu hồi nợ đã có những định hướng rõ ràng, cụ thể. Trong năm 2014, Công ty không để phát sinh thêm bất kì khoản nợ có vấn đề nào.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	**1.783.842.005.902**	**2.554.590.419.157**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	*352.889.411.169*	*321.847.589.082*
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	*589.840.392.784*	*709.745.640.343*
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	*788.241.393.529*	*769.739.124.747*
4. Hàng tồn kho	*1.416.844.210*	*1.416.532.600*
5. Tài sản ngắn hạn khác	*51.453.964.210*	*751.841.532.385*
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**947.965.980.166**	**1.267.690.719.126**
1. Tài sản cố định	*295.610.636.863*	*11.355.685.469*
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	*529.445.801.714*	*1.094.707.775.497*
3. Tài sản dài hạn khác	*122.909.541.589*	*161.627.258.160*
TỔNG TÀI SẢN	**2.731.807.986.068**	**3.822.281.138.283**

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2014	31/12/2013
1. Nợ ngắn hạn	**285.522.400.857**	**1.596.562.795.665**
Vay và nợ ngắn hạn	-	*366.000.000.000*
Phải trả người bán	*27.500.000*	*27.500.000*
Người mua ứng trước	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	*1.423.686.472*	*14.196.111.950*
Phải trả người lao động	*5.378.961.013*	*6.321.487.918*
Chi phí phải trả	*18.101.789.190*	*259.027.969.326*
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	*56.644.649.411*	*765.180.290.424*
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	*201.096.721.709*	*183.585.598.843*
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	*1.745.210.570*	*1.646.787.390*
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	*1.103.882.492*	*577.049.814*
2. Nợ dài hạn	**181.366.661.000**	**-**
1. Nợ dài hạn	181.366.661.000	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**466.889.061.857**	**1.596.562.795.665**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Có những cải tiến đáng kể về cơ chế giao Kế hoạch và Khoán. Năng suất lao động được tối đa hóa bằng cách giao Khoán tới từng lao động cụ thể, cho phép Đơn vị Lao động gián tiếp có thể đăng ký Lao động trực tiếp (LĐTT) và nghiệp vụ kinh doanh trực tiếp để được nhận Lương Khoán như các LĐTT tại các Đơn vị LĐTT khác.
- Bổ nhiệm cán bộ chủ chốt cấp cao: bổ nhiệm 02 chức danh Phó Tổng Giám đốc mới, bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng.
- Bổ nhiệm Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Kế toán mới, và miễn nhiệm Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Kế toán cũ
- Điều chỉnh mô hình Phòng: giải thể Phòng Phát triển thị trường, sát nhập Phòng Tư vấn với Phòng Đầu tư thành Phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính.
- Củng cố hệ thống Cơ sở phát triển dịch vụ (CSPTDV) và mở rộng đội ngũ Chăm sóc Khách hàng bằng việc chuyển giao CSPTDV về các Chi nhánh theo địa bàn quản lý.
- Hoàn thiện một số quy trình nghiệp vụ và quy định về tổ chức góp phần nâng cao chất lượng hoạt động các nghiệp vụ cũng như củng cố tổ chức, tăng cường kỷ luật trong Công ty.

b. Hoạt động kiểm soát

- Hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, Agriseco luôn đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Năm 2014, Agriseco đã tiến hành bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách quản lý rủi ro, nhằm tăng cường kiểm tra, kiểm soát toàn diện mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Hiện nay, Agriseco cũng đang tiến hành xây dựng , bổ sung các quy định và chế tài nhằm tăng cường quyền lực của nghiệp vụ kiểm soát. Một số Quy định đã chính thức được triển khai như Quy định về xử lý vi phạm hợp đồng đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động và trở thành một công cụ đắc lực trong quản trị và điều hành.

c. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đẩy mạnh nghiệp vụ Môi giới và Dịch vụ, mở rộng đội ngũ và mạng lưới, tăng cường chất lượng tư vấn đầu tư và chăm sóc Khách hàng. Tích cực triển khai các sản phẩm mới.
- Phát triển nghiệp vụ Tư vấn tài chính. Tăng cường năng lực của đội ngũ tư vấn; khai thác thế mạnh của Agriseco, tập trung vào các Khách hàng Doanh nghiệp của Agribank hoặc của một số tổ chức tín dụng có quan hệ với Agriseco.

- Duy trì vị thế của Agriseco trong thị trường kinh doanh trái phiếu.
- Tìm kiếm các nguồn vốn dài hạn nhằm đảm bảo tính ổn định trong thanh khoản vốn. Chuẩn bị phương án phát hành Trái phiếu Agriseco. Có kế hoạch tài chính để cân đối sử dụng nguồn vốn ngắn hạn và nguồn vốn dài hạn;
- Tăng cường công tác Tự doanh trên cơ sở đảm bảo an toàn vốn và mang lại nguồn thu cho Agriseco.
- Đánh giá tổng thể hệ thống công nghệ và có giải pháp đổi mới, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ.

d. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).

Không

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

a. Tài chính ổn định

- Năm 2014, Lợi nhuận trước thuế của Agriseco là 60,78 tỷ đồng, đạt 101,3% Kế hoạch được ĐHĐCĐ giao, trong tình hình, có tới 20 CTCK chấm dứt và đình chỉ hoạt động, giải thể hoặc hợp nhất do quá trình tái cấu trúc CTCK tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.
- Năm 2014, hoàn tất việc trả cổ tức năm 2011 và 2012 cho cổ đông, thu hồi đủ gốc và lãi trái phiếu đến hạn trong năm 2014 và hoàn tất thanh toán lãi trái phiếu Agriseco cho Agribank. Tiếp tục đẩy mạnh thu hồi các Hợp đồng dịch vụ tài chính.
- Thành lập và nâng cấp Ban quản lý Nợ, đưa thu hồi vốn từ nợ thành một nghiệp vụ. Triển khai mạnh mẽ Quy định về Quản lý rủi ro (QLRR) trong nắm giữ chứng khoán không để phát sinh thêm các Hợp đồng có vấn đề, vận hành mềm dẻo Quy trình xử lý vi phạm Hợp đồng, bám sát diễn biến thị trường, xử lý dứt điểm các Hợp đồng nhỏ.

b. Nâng cấp quản lý

- Tập trung vào hiệu quả kinh doanh với việc từng bước đưa việc bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo Chi nhánh gắn với hiệu quả kinh doanh của Đơn vị. Tiến tới xây dựng cơ chế đánh giá đơn vị và cá nhân theo kết quả công việc. Chấp nhận đóng cửa và sa thải.
- Với chủ trương để các Đơn vị kinh doanh trực tiếp tự chủ trong kinh doanh, giảm phụ thuộc của các Đơn vị kinh doanh trực tiếp vào Trụ sở chính, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tăng cường quyền tự quyết cho các Đơn vị. Cụ thể: tự chủ về phí Môi giới và Phí ngiệp vụ Giao dịch kí quỹ, sửa đổi Quy trình tự doanh cho phép các Đơn vị tự doanh, tạo điều kiện cho các Đơn vị Môi giới thu mua trái phiếu Agribank.

c. Mô hình kinh doanh

- Tiến tới xây dựng mô hình kinh doanh phù hợp, thích ứng với thị trường và dịch chuyển theo từng giai đoạn của chu kì kinh tế.
- Sáp nhập Phòng Đầu tư với Phòng Tư vấn thành phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính.
- Củng cố hệ thống Cơ sở phát triển dịch vụ và mở rộng đội ngũ Chăm sóc khách hàng toàn phần. HĐQT đã chỉ đạo Ban TGĐ thiết kế nhiều sản phẩm và dịch vụ mới cho các Đơn vị áp dụng nhằm tăng tính cạnh tranh trong việc thu hút khách hàng như: Gói dịch vụ List 3, Dịch vụ T7, Nghiệp vụ Thu mua trái phiếu Agribank, Chăm sóc khách hàng.

d. Chấn chỉnh đội ngũ

- Agriseco đã thành lập Ban quản lý nợ nhằm nhanh chóng thu hồi các khoản nợ tồn đọng và đẩy mạnh công tác Khoán thu hồi nợ.
- Bổ nhiệm 02 chức danh Phó TGĐ mới nhằm tăng cường kinh doanh và quản lý rủi ro. Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT luôn nắm rõ tiến độ công việc và tình hình hoạt động của Công ty; thường xuyên giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong quá trình xử lý công việc;
- Ban Tổng giám đốc chấp hành nghiêm chỉnh và triển khai nghiêm túc các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Kết quả kinh doanh vượt Kế hoạch do ĐHĐCĐ giao thể hiện sự chỉ đạo đúng định hướng của HĐQT nói riêng và sự phối hợp giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc nói chung.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a. Đẩy mạnh Môi giới

- Tăng cường đội ngũ và mở rộng mạng lưới Môi giới, tăng cường chuyên môn hóa các bộ phận nghiệp vụ và nâng cao chất lượng cán bộ, dịch vụ và sản phẩm.
- Chú trọng công tác Chăm sóc Khách hàng, Tư vấn đầu tư, nâng cao năng lực bán hàng của cán bộ Môi giới. Phát triển "hàng hóa" cho Môi giới.
- Đầu tư cho Công nghệ, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ tin học.

b. Nâng cao vai trò và vị thế của nghiệp vụ Tư vấn tài chính

c. Thay đổi mục tiêu nghiệp vụ Kinh doanh Trái phiếu

- Bám sát Agribank để tận dụng lợi thế Ngân hàng mẹ;
- Làm đòn bẩy cho các nghiệp vụ Tư vấn phát hành, Tự doanh.
- Tiếp tục nghiên cứu chủ trương phát hành trái phiếu Agriseco.

d. Duy trì Tự doanh Cổ phiếu

- Lấy đầu tư dài hạn làm chính, phối hợp với các bộ phận khác tìm kiếm những khoản đầu tư có lợi thế cho Agriseco.

e. Tăng cường Quản lý rủi ro

Bổ sung các quy định và chế tài nhằm tăng cường quyền lực của Ban Quản lý Nợ, nâng cao trách nhiệm vật chất của cá nhân và đơn vị gây ra đồng thời khuyến khích vật chất đối với cá nhân và đơn vị tích cực xử lý các Hợp đồng có vấn đề cũng như trong việc quản lý rủi ro.

f. Nâng cấp Quản lý Chi nhánh

- Tăng cường vai trò của Ban chỉ đạo nâng cấp quản lý Chi nhánh (do HĐQT thành lập):
- Thành lập Phòng để quản lý toàn bộ Mạng lưới (Chi nhánh và PGD) trực thuộc Trụ sở chính.

g. Tổ chức lại Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của Thông tư sửa đổi Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính dự kiến ban hành trong năm 2015; Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 v/v quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng; Quyết định 105/QĐ- UBCK ngày 26/02/2013 v/v ban hành quy chế hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2014

1.1.1. Ông Phạm Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm: **74.252.628 cổ phần, chiếm 35,02 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 74.202.628 cổ phần, chiếm 35,00 % vốn điều lệ;
- Cá nhân sở hữu: 50.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

1.1.2. Ông Nguyễn Kim Hậu - Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm giữ: **43.162.405 cổ phần, chiếm 20,36 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 42.401.500 cổ phần, chiếm 20,00% vốn điều lệ;
- Cá nhân sở hữu: 760.905 cổ phần, chiếm 0,36% vốn điều lệ.

1.1.3. Ông Phan Văn Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị.

Số cổ phần nắm giữ: **23.320.826 cổ phần, chiếm 11,00 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 23.320.826 cổ phần, chiếm 11,00 % vốn điều lệ;

1.1.4. Ông Hà Huy Toàn - Thành viên Hội đồng quản trị.

Số cổ phần nắm giữ: **3.553.155 cổ phần, chiếm 1,68 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 3.553.155 cổ phần, chiếm 1,68% vốn điều lệ.

1.1.5. Ông Lê Quang Sự - Thành viên Hội đồng quản trị.

Số cổ phần nắm giữ: **Không;**

1.2. Các tiểu ban

❖ **Tiểu ban Công nghệ** bao gồm:

- Ông Phạm Văn Thành - Chủ tịch HĐQT – Thành viên;
- Ông Nguyễn Kim Hậu - Tổng Giám đốc – Thành viên;
- Ông Bùi Đức Thắng - Phó Tổng Giám đốc – Thành viên;

Tiểu ban Công nghệ có nhiệm vụ đánh giá, đề xuất, xây dựng hệ thống công nghệ đáp ứng yêu cầu có kế thừa, an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

❖ **Ban chỉ đạo xử lý nợ xấu** bao gồm:

- Ông Nguyễn Kim Hậu - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Trưởng Ban;
- Bà Vũ Thị Thúy Hà - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính -Thành viên;
- Bà Trần Thị Huệ - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Quản trị rủi ro - Thành viên;

- Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm toán nội bộ - Thành viên;
- Bà Lưu Hồng Huệ - Chánh Văn phòng HĐQT - Thành viên;

❖ **Ban chỉ đạo chỉnh sửa Điều lệ** bao gồm:

- Ông Phạm Văn Thành - Chủ tịch HĐQT - Trưởng Ban;
- Ông Nguyễn Kim Hậu - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Thành viên;
- Ông Phan Văn Tuấn - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc - Thành viên;

Ban chỉ đạo có nhiệm vụ đề xuất chỉnh sửa Điều lệ Công ty đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật hiện hành, trình HĐQT thông qua để trình Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

❖ **Ban chỉ đạo Nâng cấp quản lý Chi nhánh** bao gồm:

- Ông Phạm Văn Thành - Chủ tịch HĐQT - Trưởng Ban;
- Ông Nguyễn Kim Hậu - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Thành viên;
- Ông Phan Văn Tuấn - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc - Thành viên;
- Bà Vũ Thị Thúy Hà - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính - Thành viên;
- Ông Lê Văn Minh - Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh HCM - Thành viên;
- Bà Trần Thị Huệ - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Quản trị rủi ro - Thành viên;

Ban chỉ đạo có nhiệm vụ đánh giá hiệu qủa hoạt động của các Chi nhánh và hiện trạng quản lý các Chi nhánh; Chỉ đạo xây dựn Đề án Nâng cấp quản lý Chi nhánh trình HĐQT phê duyệt; Thiết lập các chính sách quản lý Chi nhánh trình HĐQT phê duyệt; Định kỳ đánh giá hiệu quả các hoạt động của các Chi nhánh và Giám đốc Chi nhánh; Các công việc khác liên quan đến nâng cấp quản lý Chi nhánh do HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trước những biến động thị trường chứng khoán nói riêng và môi trường kinh doanh nói chung trong năm 2014, HĐQT đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời và hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết

định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự lãnh đạo của Công ty phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của công ty và của pháp luật.

Trong năm 2014, HĐQT đã họp 2 lần, các nội dung chính đã thông qua chủ yếu bao gồm các nội dung trình biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2014 và các công việc nhằm thực thi Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2014, kiểm soát rủi ro và chuẩn hóa các quy trình, quy định nội bộ.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Agriseco có 02 thành viên HĐQT độc lập không điều hành, gồm: Ông Hà Huy Toàn và Ông Lê Quang Sự.

- Ông Hà Huy Toàn: có vai trò quan trọng trong việc xây dựng mối quan hệ giữa Công ty và Hiệp hội kinh doanh chứng khoán (VASB), nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào hoạt động kinh doanh chứng khoán;
- Ông Lê Quang Sự: có vai trò trong việc đề xuất nâng cấp Tổ chức, lao động và tiền lương.

1.5. Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị

- Tiểu ban Công nghệ được thành lập theo Quyết định số 06/2012/QĐ/HĐQT. Tiểu ban sẽ thực hiện nhiệm vụ đánh giá, đề xuất, xây dựng hệ thống công nghệ đáp ứng yêu cầu có kế thừa, an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
- Bên cạnh đó, ngày 19/12/2014 HĐQT cũng đã thành lập các Ban chỉ đạo nhằm tham mưu và hỗ trợ HĐQT giải quyết các vướng mắc và nâng cấp hoạt động kinh doanh: Ban chỉ đạo xử lý Nợ xấu, Ban chỉ đạo chỉnh sửa Điều lệ và Ban chỉ đạo Nâng cấp quản lý Chi nhánh.
- Ngoài ra, Agriseco đã thành lập Văn phòng HĐQT. Văn phòng HĐQT thực hiện đầy đủ các công việc hỗ trợ hoạt động của HĐQT.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

2.1.1. Bà Mai Thị Thủy – Trưởng Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ: **18.915.485 cổ phần, chiếm 8,922 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 18.911.069 cổ phần, chiếm 8,92 % vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 4.416 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ;

2.1.2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thành viên Ban Kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ: Không
2.1.3. Bà Lê Tú Anh – Thành viên Ban Kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ: Không
2.1.4. Ông Trần Minh Tú – Thành viên Ban Kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ: Không
2.1.5. Ông Nguyễn Thanh Bình – Thành viên Ban Kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ: **1 cổ phần, chiếm 0,000 % vốn điều lệ**
Trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 1 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ;

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Agriseco thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho Cổ đông giám sát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm 2014, Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị cũng như tình hình Công ty.

Ban Kiểm soát tổ chức họp định kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh; thực hiện kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông lớn; giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Đoàn Thanh tra và Ban Kiểm soát; giám sát việc thực hiện của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc v/v thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Điều lệ Công ty, HĐQT; đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời, góp ý cho Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- Báo cáo kết quả kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông lớn Agribank;
- Báo cáo thẩm định BCTC 6 tháng đầu năm 2014;
- Báo cáo rà soát sơ bộ việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2013 và năm 2014 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc (12/12/2014);
- Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2013 của CTCP chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 (17/11/2014);

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/11/2014, thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2014 bằng 1% Lợi nhuận sau thuế trong kế hoạch, trường hợp vượt chỉ tiêu lợi nhuận được thưởng 1,5% LNST phần vượt kế hoạch và 1% LNST trong kế hoạch.

Căn cứ Kế hoạch kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán, Quỹ thù lao được xác định là 477,74 triệu đồng.

Theo Quy chế thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty, Thù lao công việc cho HĐQT và Ban Kiểm soát được phân bổ cho 12 thành viên HĐQT (bao gồm cả 7 thành viên đã miễn nhiệm và 3 thành viên được bổ nhiệm mới) , 10 thành viên Ban kiểm soát (bao gồm cả 4 thành viên đã miễn nhiệm và 4 thành viên được bổ nhiệm mới) và Văn phòng HĐQT.

Căn cứ số liệu đã được kiểm toán năm 2014, tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm là 879.087.273 đồng

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Đinh Thị Hiền – Mẹ của Phó Tổng Giám đốc Vũ Thị Thúy Hà	5.100	0,002%	0	0%	Bán

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : Không

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời và hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự lãnh đạo của Agriseco phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của công ty và của pháp luật.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán độc lập

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà thương mại Daeha, Tầng 14, 360 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội;

Điện thoại : +84 4 3831 5100
Fax: +84 4 3831 5090
Website: www.ey.com

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi các Quý Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn
Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 7tháng 4năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm

toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính của Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó tại ngày 31 tháng 3 năm 2014.

Nguyễn Thùy Dương Phó Tổng Giám đốc *(đã ký)* Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2013-004-1 Hà Nội, Việt Nam Ngày 7 tháng 4 năm 2015	Nguyễn Phương Nga Kiểm toán viên *(đã ký)* Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:0763-2013-004-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tại ngày 31/12/2014)

TÀI SẢN	31/12/2014	*31/12/2013 (phân loại lại)*
A TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	**1.783.842.005.902**	**2.554.590.419.157**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	***352.889.411.169***	***321.847.589.082***
1. Tiền	272.889.411.169	251.847.589.082
2. Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	70.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	***589.840.392.784***	***709.745.640.343***
1. Đầu tư ngắn hạn	649.869.834.075	797.560.531.288
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(60.029.441.291)	(87.814.890.945)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	***788.241.393.529***	***769.739.124.747***
1. Phải thu của khách hàng	940.918.686.926	930.854.029.832
2. Các khoản phải thu khác	70.771.814.440	67.651.023.931
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn	(223.449.107.837)	(228.765.929.016)
IV. Hàng tồn kho	***1.416.844.210***	***1.416.532.600***
V. Tài sản ngắn hạn khác	***51.453.964.210***	***751.841.532.385***
1. Chi phí trả trước	1.205.031.109	492.871.629
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	20.069.127.643	10.845.390
3. Tài sản ngắn hạn khác	30.179.805.458	751.337.815.366
B TÀI SẢN DÀI HẠN	**947.965.980.166**	**1.267.690.719.126**
I. Tài sản cố định	***295.610.636.863***	***11.355.685.469***
1. Tài sản cố định hữu hình	1.690.501.758	4.841.789.592
Nguyên giá	*37.994.588.266*	*39.222.794.289*
Giá trị hao mòn lũy kế	*(36.304.086.508)*	*(34.381.004.697)*
2. Tài sản cố định vô hình	278.470.356.105	5.013.895.877
Nguyên giá	*299.348.632.500*	*27.501.298.605*
Giá trị hao mòn lũy kế	*(20.878.276.395)*	*(22.487.402.728)*
3. Mua sắm tài sản cố định	15.449.779.000	1.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	***529.445.801.714***	***1.094.707.775.497***
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	855.314.085.269	1.353.558.516.034
2. Đầu tư dài hạn khác	1.669.064.655	1.669.064.655
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	(327.537.348.210)	(260.519.805.192)
III. Tài sản dài hạn khác	***122.909.541.589***	***161.627.258.160***
1. Chi phí trả trước dài hạn	13.510.476.368	21.735.649.167
2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	90.479.147.304	103.484.609.400
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	15.124.061.917	13.611.143.593
4. Tài sản dài hạn khác	3.795.856.000	22.795.856.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**2.731.807.986.068**	**3.822.281.138.283**

NGUỒN VỐN	31/12/2014	31/12/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ	**466.889.061.857**	**1.596.562.795.665**
I. Nợ ngắn hạn	***285.522.400.857***	***1.596.562.795.665***
1. Vay và nợ ngắn hạn	-	366.000.000.000
2. Phải trả người bán	27.500.000	27.500.000
3. Người mua ứng trước	-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.423.686.472	14.196.111.950
5. Phải trả người lao động	5.378.961.013	6.321.487.918
6. Chi phí phải trả	18.101.789.190	259.027.969.326
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	56.644.649.411	765.180.290.424
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	201.096.721.709	183.585.598.843
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1.745.210.570	1.646.787.390
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.103.882.492	577.049.814
II. Nợ dài hạn	***181.366.661.000***	-
1. Nợ dài hạn	181.366.661.000	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**2.264.918.924.211**	**2.225.718.342.618**
I. Vốn chủ sở hữu	***2.264.918.924.211***	***2.225.718.342.618***
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.120.000.000.000	2.120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	3.752.303.169	3.752.303.169
3. Cổ phiếu quỹ	(10.763.723.000)	(10.763.723.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	35.208.664.749	18.592.075.761
5. Quỹ dự phòng tài chính	27.079.322.898	26.090.240.220
6. Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	32.946.934.964	31.957.852.286
7. Lợi nhuận chưa phân phối	56.695.421.431	36.089.594.182
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**2.731.807.986.068**	**3.822.281.138.283**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	31/12/2013
1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	**820.684.030.128**	**759.566.776.778**
3. Tài sản nhận ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	**325.547.248.266**	**255.444.596.358**
6. CK lưu ký	**10.995.994.420.000**	**12.341.039.540.000**
Trong đó:		
6.1. CK giao dịch	**7.568.549.510.000**	**5.868.585.750.000**
6.1.1 CK giao dịch của thành viên lưu ký	144.391.870.000	104.356.520.000
6.1.2 CK giao dịch của KH trong nước	6.087.504.830.000	5.301.790.420.000
6.1.3 CK giao dịch của KH nước ngoài	1.336.652.810.000	462.438.810.000
6.2. CK tạm ngừng giao dịch và hạn chế chuyển nhượng	**470.000**	**470.000**
6.2.1. CK tạm ngừng giao dịch và hạn chế chuyển nhượng của thành viên lưu ký	470.000	470.000
6.2.2. CK tạm ngừng giao dịch và hạn chế chuyển nhượng của khách hàng trong nước	-	-
6.2.3. CK tạm ngừng giao dịch và hạn chế chuyển nhượng của khách hàng nước ngoài	-	-
6.3. CK cầm cố	**3.319.742.270.000**	**4.321.018.790.000**
6.3.1. CK cầm cố của thành viên lưu ký	3.278.103.970.000	4.279.380.490.000
6.3.2. CK cầm cố của KH trong nước	41.638.300.000	41.638.300.000
6.3.3. CK cầm cố của KH nước ngoài	-	-
6.4. CK chờ thanh toán	**78.688.080.000**	**81.247.990.000**
6.4.1. CK chờ thanh toán của thành viên lưu ký	19.220.000	-
6.4.2. CK chờ thanh toán của khách hàng trong nước	78.618.860.000	81.247.990.000
6.4.3. CK chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	50.000.000	-
6.5. CK phong tỏa chờ rút	**80.000**	**1.632.280.320.000**
6.5.1. CK phong toả chờ rút của thành viên lưu ký	80.000	1.632.280.320.000
6.5.2. CK phong toả chờ rút của khách hàng trong nước	-	-
6.6. CK chờ giao dịch	**4.014.010.000**	**22.906.220.000**
6.6.1. CK chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
6.6.2. CK chờ giao dịch của khách hàng trong nước	4.013.950.000	22.906.220.000
6.6.3. CK chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	60.000	-
6.6.4. CK chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
6.7. CK ký quỹ đảm bảo khoản vay	**25.000.000.000**	**415.000.000.000**
6.7.1. CK ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	-	-
6.7.2. CK ký quỹ đảm bảo khoản vay của KH trong nước	25.000.000.000	415.000.000.000
7. CK lưu ký của công ty đại chúng CNY	**206.322.980.000**	**200.663.200.000**
7.1. CK giao dịch	**191.519.980.000**	**186.321.610.000**
7.1.1. CK giao dịch của thành viên lưu ký	22.941.060.000	24.651.870.000
7.1.2. CK giao dịch của khách hàng trong nước	168.578.920.000	161.669.740.000
7.1.3. CK giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
7.2. CK cầm cố	-	-
7.2.1. CK cầm cố của khách hàng trong nước	-	-

7.2.2. CK cầm cố của tổ chức khác	-	-
7.3. CK chờ thanh toán	**1.381.910.000**	**208.000.000**
7.3.1. CK chờ thanh toán của thành viên lưu ký	1.381.910.000	208.000.000
7.3.2. CK chờ thanh toáncủa KH trong nước	-	-
7.4 CK chờ giao dịch	**13.421.090.000**	**14.133.590.000**
8. CK nhận lưu ký cho nhà đầu tư	-	-
9. CK mua lẻ	-	-
10. CK chưa lưu ký của khách hàng	**26.800.000**	**40.000.000**
11. CK chưa lưu ký của công ty CK	**1.096.704.740.000**	**1.643.616.500.000**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	31/12/2014	*31/12/2013 (phân loại lại)*
1. Doanh thu	**293.034.490.773**	**414.000.920.404**
Trong đó:		
- Doanh thu môi giới chứng khoán	44.087.206.863	22.549.374.833
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	96.669.778.591	188.986.959.850
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	634.717.689	4.799.904.333
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	634.318.181	727.200.000
- Doanh thu hoạt động lưu ký	3.306.471.789	2.747.981.533
- Doanh thu khác	147.701.997.660	194.189.499.855
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**(125.903.999)**	**(249.585.978)**
3. DTT về hoạt động kinh doanh	**292.908.586.774**	**413.751.334.426**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	**(202.170.720.785)**	**(288.044.318.490)**
Trong đó:		
Chi phí trực tiếp HĐKD chứng khoán	(162.938.627.421)	(278.622.052.793)
Chi phí dự phòng chứng khoán	(39.232.093.364)	(9.422.265.697)
5. Lợi nhuận gộp của HĐKD	**90.737.865.989**	**125.707.015.936**
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**(29.959.758.222)**	**(100.462.703.896)**
7. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	**60.778.107.767**	**25.244.312.040**
8. Thu nhập khác	2.243.594	378.803.585
9. Chi phí khác	-	-
10. Lợi nhuận khác	**2.243.594**	**378.803.585**
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**60.780.351.361**	**25.623.115.625**
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	**(40.613.897.717)**
13. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	**(13.005.462.096)**	**34.772.435.649**
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**47.774.889.265**	**19.781.653.557**
15. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	**226**	**94**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	31/12/2014	31/12/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐKD		
Lợi nhuận trước thuế	**60.780.351.361**	**25.623.115.625**
Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao TSCĐ	6.581.443.606	9.514.964.920
Các khoản lập dự phòng	33.915.272.185	74.137.546.354
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	96.669.778.592	(186.729.692.497)
Chi phí lãi vay	76.013.413.629	72.638.840.955
Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**273.960.259.373**	**(4.815.224.643)**
Tăng/(giảm) các khoản phải thu	(1.930.002.171)	1.591.098.885.102
Tăng/(giảm) chứng khoán tự doanh	347.690.697.213	-
Giảm các khoản phải trả	(956.716.389.087)	(402.219.200.968)
Tăng/(giảm) chi phí trả trước	(2.953.077.291)	13.338.201.832
Tiền lãi vay đã trả	(341.407.307.330)	(16.731.599.672)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(40.742.152.315)	(22.316.709.774)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	719.645.091.584	(753.202.534.644)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	**(2.452.880.024)**	**405.151.817.233**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(280.116.389.654)	(3.089.395.800)
Tiền đầu tư vào chứng khoán dài hạn	-	150.355.275
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	1.084.473.093.308
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	-	132.420.499.594
Tiền thu từ chứng khoán dài hạn	498.244.430.765	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**218.128.041.111**	**1.213.954.552.377**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	1.074.766.661.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.259.400.000.000)	(1.734.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**(184.633.339.000)**	**(1.734.000.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**31.041.822.087**	**(114.893.630.390)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**321.847.589.082**	**436.741.219.472**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**352.889.411.169**	**321.847.589.082**

Bản báo cáo tài chính kiểm toán 2014 đã được Agriseco công bố tại địa chỉ website

http://agriseco.com.vn/tabid/83/vi-VN/default.aspx#AD,469,290398

Trân trọng!

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN KIM HẬU